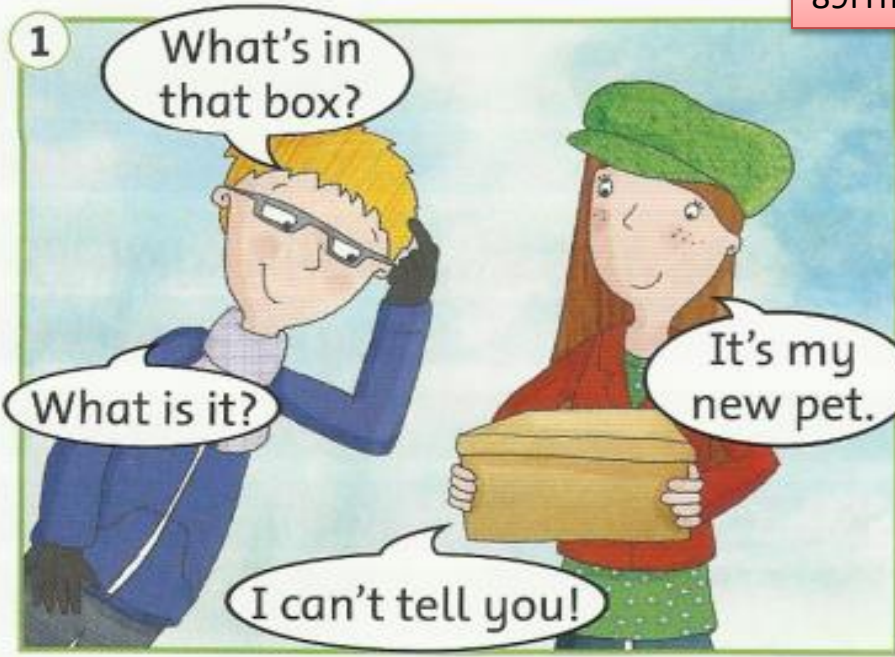


Movers Unit 9

Page 78-79

Must # Mustn't



2 Draw lines and write *must* or *mustn't*.



You _____ put your fish in the water!

You _____ put your parrot in the bath!

You _____ give your rabbits a drink!

You mustn't open the cage.

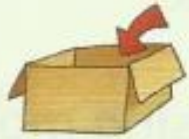
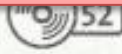
You _____ give food to the lions!

1

Read the words in the box.

Listen and number the pictures.

<https://www.youtube.com/watch?v=L48rBKoF0vk&list=PLj9pBnd489fTh7zrkj359SG-oi8gNzfKL&index=15>



into



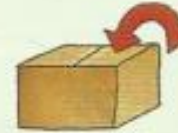
out of



up



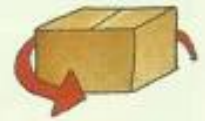
down



onto



off



round

a



b



c

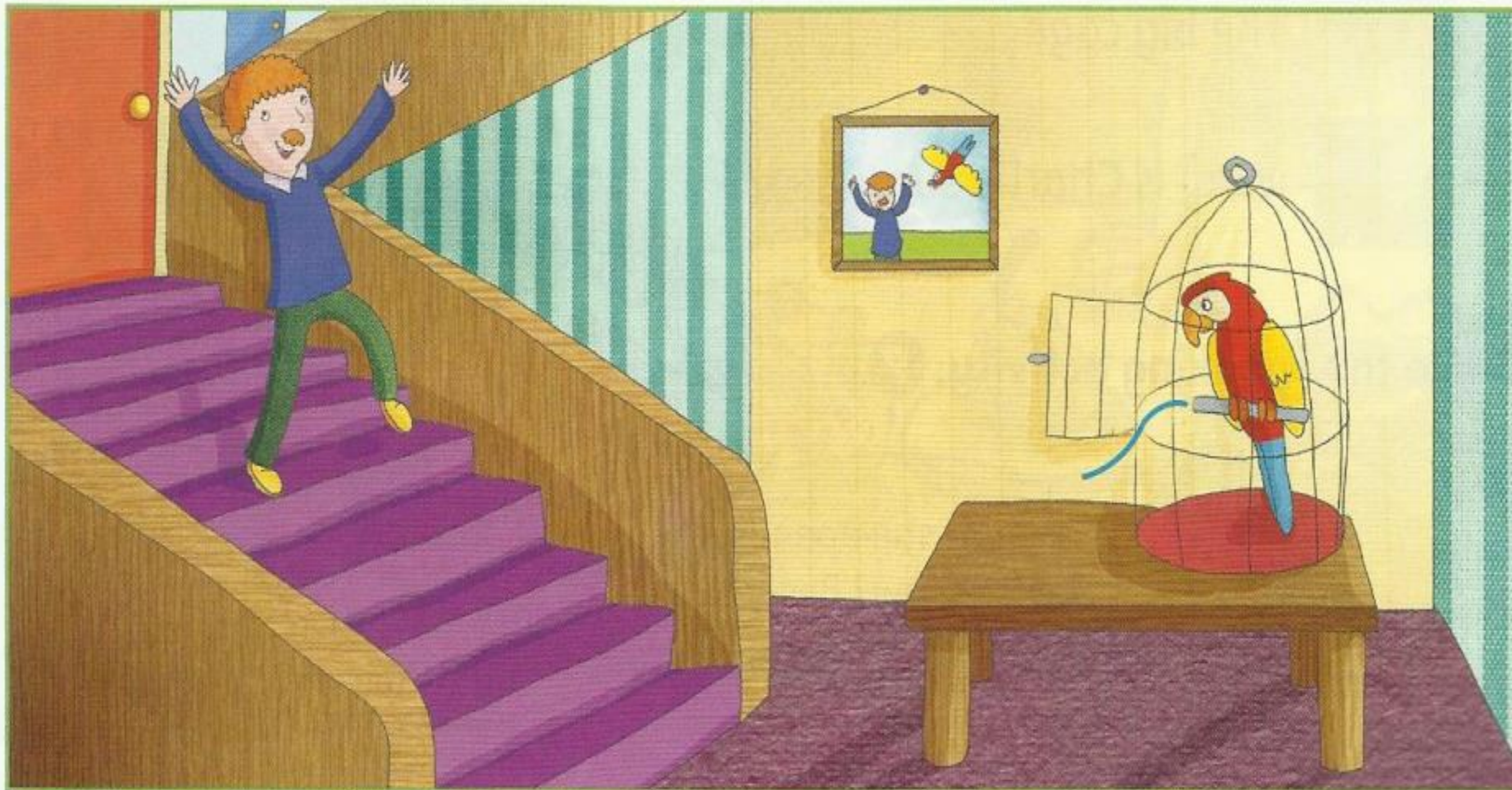


d



2 Read and draw the parrot's route.

My parrot jumped out of its cage, and it jumped onto the table. Then it flew off the table and flew up the stairs. It flew round my dad. Then it flew down the stairs, and it flew into its cage!



"Must" và "Mustn't"

"Must" (Phải làm, rất quan trọng)

- *You must do your homework.* (Bạn phải làm bài tập về nhà.)
- *We must drink water every day.* (Chúng ta phải uống nước mỗi ngày.)

"Mustn't" (Không được làm, bị cấm)

- *You mustn't run in class.* (Bạn không được chạy trong lớp.)
- *We mustn't talk loudly in the library.* (Chúng ta không được nói to trong thư viện.)

So sánh "Must" và "Have to"

Giống nhau:

- Cả *must* và *have to* đều có nghĩa là "phải làm gì đó".

Khác nhau:

	Must	Have to
Ý nghĩa	Quan trọng, do bản thân thấy cần làm.	Bắt buộc vì quy tắc hoặc luật lệ.
Dùng khi nào?	Khi ai đó nghĩ điều đó rất quan trọng.	Khi có quy định bắt buộc từ bên ngoài.
Ví dụ	You must eat vegetables to be healthy. (Bạn phải ăn rau để khỏe mạnh.)	I have to wear a uniform at school. (Tôi phải mặc đồng phục ở trường.)

Ghi nhớ:

- "Must" = Do bản thân thấy quan trọng.
- "Have to" = Quy định từ bên ngoài.